

Viêm bắp, vết thương mài trơng lực, trúng cá hòng, thủng màng nhĩ.  
Băng bít.

**Liều dùng:** Không dùng thuốc cho mắt.  
Thận trọng dùng cho trẻ sơ sinh.

*Không bôi ở diện rộng, bôi lớp dày và băng kín. Chỉ dùng không quá 8 ngày.*

(Xem thêm Corticoid và Neomycin)

**Biệt dược tương tự :** Cenia comp (Hàn quốc)

### Mag -2 (Pháp)

**Dạng thuốc :** Ông uống 10ml và ông tiêm 10ml có:

Magnesium pidolat 1,5g/1g. Gói 2,25g.

**Tác dụng :** Liệu pháp Magne dễ hấp thụ.

**Chì định :** Tặng thiêu Magne - tặng xúc cam - ưu tư (mắt ngứa, chóng mặt, run rẩy, co thắt, chuột rút, dị cảm, tức ngực, đánh trống ngực, nhức đầu, đau xương sống, đau kinh). Phụ nữ có thai : nôn mửa, lo âu, đau nhức, mắt ngứa. Sản phụ : ưu tư lúc sinh nở khó. Trẻ em : rối loạn chức năng, không thích ứng với gia đình, trường học, rối loạn tinh thần, ưa gây gổ, dễ cáu giận. Chán ăn, khó ngủ, ưu tư, co rút, cảm giác kiêng bỏ đầu chi, tức ngực đau bụng. Trẻ còn bú : bù nước, cân bằng điện giải sau ia chảy, nôn mửa.

**Liều dùng :** Tiêm (1 ống có 81mg Mg) do thiếu Mg trầm trọng cấp tính : người lớn : 1-2 ống/ngày. Hoặc 2 gói/ngày. Trẻ em : cung tiêm như trên- tiêm tĩnh mạch chậm, có thể tiêm bắp thịt sâu, tiêm truyền với dung dịch glucose hay NaCl đẳng trương. Uống : (mỗi ống có 122mg Mg) dùng nồi tiêm sau tiêm, đè cổ bú đắp Mg từ từ). Người lớn : uống 3 ống/ngày. Trẻ em : uống 2 ống/ngày. Trẻ còn bú : uống 1/2 hay 1 ống/ ngày.

**Chống chỉ định :** Suy thận nặng.

**Lưu ý :** Rất hiếm gặp ia chảy, đau bụng.

### Magaldrat

Aluminium magnesium hydroxyd sulfat, hydrat Monalium hydrat

**Tác dụng :** Kháng acid dịch vị.

**Chì định :** Viêm dạ dày, tăng acid dịch vị, loét dạ dày.

**Liều dùng :** Ngày uống 3-4 lần, mỗi lần 5ml vào bữa ăn.

**Chống chỉ định :** Suy thận nặng.

### Magan (Mỹ)

**Dạng thuốc :** Dịch treo uống 540mg/5ml magnesium salicylat (tương ứng với 500mg salicylat). Viên nén 545mg.

**Tác dụng :** Ức chế tổng hợp prostaglandin làm giảm đau chống viêm, hạ nhiệt.

**Chì định :** Viêm thấp khớp, viêm bao hoạt dịch, các rối loạn cơ - xương.

**Liều dùng :** Lúc đầu, mỗi lần 2 viên/3 lần/ngày. Có thể tăng liều nếu cần.

**Chống chỉ định :** Suy thận nặng. Đối kháng với tác dụng của thuốc bài acid uric niệu

**Lưu ý :** Thận trọng với người bệnh gan, giảm prothrombin huyết, thiếu vitamin K, viêm loét dạ dày - tá tràng.

### Magesto (Takeda, Thái lan)

**Dạng thuốc :** Viên nén mamylase, diastase, vitamin B1, cao scopolia, natri bicarbonat, calci carbonat, tinh dầu dinh hương....

**Chì định :** Viêm và đau dạ dày - ruột, rối loạn dạ dày - ruột, chàm tiêu...

**Liều dùng :** Người lớn ngày 3 lần x 4 viên, sau bữa ăn.

**Chống chỉ định :** Glòcôm góc đóng, tắc liệt ruột, phì đại tuyến tiền liệt, suy thận nặng.

### Magne B6(Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên có : magne lactat 470mg (tương ứng với 3,94 mEq Mg<sup>2+</sup>), pyridoxin HCl 5mg

**Tác dụng :** Magne làm giảm tính kích thích neuron dẫn truyền thần kinh cơ, tham gia vào những phản ứng enzym

**Chì định :** Thiếu magne. Trường hợp thiếu cả calci cần lập cân bằng magne trước. Các cơ ưu tư kèm co giật.

**Liều dùng :** Người lớn : thiếu magne đã được xác nhận : 6viên/24giờ. Tặng ưa co giật : 4 viên/24giờ, chia làm 2-3 lần.

**Chống chỉ định :** Suy thận nặng

**Lưu ý :** Nếu dùng tetracyclin phải cách ít nhất 3 giờ khi dùng Magne B6. Có thể bị ia chảy, đau bụng.

### Magnesium 250mg (Hungari)

**Dạng thuốc :** Viên nén sủi có :

$Mg^{2+}$   
Vitamin C

250mg  
150mg